

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

Bản án số 60/2021/HNGĐ-ST

Ngày 26-11-2021

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dung;

Ông Thiệu Minh Quỳnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Ông Đỗ Hải Bằng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã V H, huyện V Th, tỉnh Thái Bình. Hiện chị T đang lao động tại Đài Loan.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn N T, xã V H, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn V C, xã V Th, huyện V Th, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai chị Phạm Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện kết hôn ngày 20/11/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Tr L, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ không tìm được tiếng nói chung nên hay cãi chửi nhau. Vợ chồng chị đã nhiều lần ngồi lại tìm giải pháp để hàn gắn nhưng không thành nên năm 2019 chị đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Từ ngày chị đi lao động tại Đài Loan vợ chồng chị sống ly thân, không quan T gì đến nhau nữa. Nay chị T xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Đ.

+ Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 23/01/2012. Hiện nay con chung đang do mẹ chị là bà Nguyễn Thị Th nuôi dưỡng. Cháu L được học hành đầy đủ, phát triển tốt và có nguyện vọng được sống cùng mẹ và bà ngoại khi bố mẹ ly hôn. Chị T đi lao động nước ngoài, thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Duy Đ vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Trần Văn D, sinh năm 1960 (là bác ruột của anh Đ) và bà Trần Thị H, sinh năm 1969 (là mẹ đẻ của anh Đ), ông D và bà H trình bày: Anh Đ hiện đang làm việc tại Hà Nội, anh Đ vẫn thường xuyên về nhà và biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn nhưng anh Đ không về để tham gia tố tụng. Chị T và anh Đ đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường Tr L, thành phố Th B. Quá trình chung sống do anh Đ chơi bời, không tu chí làm ăn nên vợ chồng anh xảy ra nhiều mâu thuẫn, thậm chí anh chị còn đánh nhau dẫn đến địa phương phải hòa giải. Từ năm 2019 đến nay chị T đi lao động tại Đài Loan, chị T không liên lạc gì để quan T, hỏi han mọi người bên nhà anh Đ nữa. Anh chị có một con chung là Nguyễn Đ L, sinh ngày 23/01/2012, hiện nay cháu L đang sống cùng bà ngoại, điều kiện sống tốt, cháu L được học hành đầy đủ, phát triển tốt. Bà Hồng đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng để cuộc

sống của cháu L ổn định.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Th trình bày: Bà Th đồng ý nhận ủy quyền của chị Phạm Thị T. Hiện nay bà đang nuôi cháu Nguyễn Duy L nên khi chị T, anh Đ ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cho chị T nuôi cháu L để bà nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L trong thời gian chị T đi lao động.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung có đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ, chị T, bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do lần thứ hai. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của chị T, lời khai của ông D (bác ruột anh Đ), và lời khai của bà H (mẹ đẻ anh Đ) thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn. Khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng đã tìm giải pháp để hàn gắn nhưng không thành. Việc chị T đi lao động nước ngoài, không liên lạc với anh Đ, không hỏi han mọi người trong gia đình anh Đ; anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn nhưng không có ý kiến trình bày là thể hiện cả hai không muốn duy trì quan hệ hôn nhân nữa. Như vậy, nếu có duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên Hội đồng xét xử cần xử cho chị T ly hôn anh Đ là phù hợp.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung là Nguyễn Duy L, sinh ngày 23/01/2012. Xét thấy hiện nay cháu L đang sống cùng bà ngoại là bà Nguyễn Thị Th, cháu L được học hành đầy đủ, phát triển tốt. Chị T có nguyện

vọng được nuôi con chung, bà Thê có nguyện vọng nhận ủy quyền của chị T về việc nuôi cháu L. Anh Đ không có ý kiến trình bày, bà H (mẹ đẻ anh Đ) đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị T nuôi dưỡng, cháu L có đơn đề nghị ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Như vậy Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho chị T nuôi dưỡng và chấp nhận sự ủy quyền nuôi con chung của chị T cho bà Th là đảm bảo điều kiện sống tốt nhất cho con chung.

Do chị T không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nhưng chưa có lời khai của anh Đ về tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Nguyễn Duy Đ.

2. Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Phạm Thị T nuôi dưỡng con chung Nguyễn Duy L, sinh ngày 23/01/2012. Chấp nhận việc ủy quyền của chị T cho bà Nguyễn Thị Th về việc nuôi cháu L. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí:

Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị T nộp tại biên lai số 0005104 ngày 29/7/2021 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang để thi hành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ; anh Nguyễn Duy Đ, bà Nguyễn Thị Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- Cục THA Dân sự tỉnh Thái Bình
- Đương sự,
- UBND phường Tr L, tpTB;
- Lưu

(đã ký)

Lương Hải Yến